

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HOÀN TRẢ HỌC PHÍ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐHCN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 06 NĂM 2026
THUỘC CTĐT CLC THEO THÔNG TƯ 23/2014/TT-BGDĐT, ĐƯỢC MIỄN HỌC VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM
(Kèm theo Quyết định số: 1588 /QĐ-ĐHCN, ngày 06 tháng 7 năm 2026, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

Định mức hoàn trả: 400.000đ/tín chỉ.

TT	Mã SV	Họ và tên	Học phần	Số TC	Thời gian được miễn	QĐ từ ĐT	Số tiền hoàn trả
1.	21020047	Nguyễn Xuân Long	Tiếng Anh B2	5	HKI 2025-2026	161/QĐ-ĐHCN ngày 26/01/2026	2.000.000
2.	21020585	Nguyễn Duy Trường Giang	Tiếng Anh B1	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
3.	21020585	Nguyễn Duy Trường Giang	Tiếng Anh B2	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
4.	21020590	Hoàng Dương Khôi Nguyên	Tiếng Anh B1	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
5.	21020590	Hoàng Dương Khôi Nguyên	Tiếng Anh B2	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
6.	21020597	Nguyễn Minh Vũ	Tiếng Anh B1	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
7.	21020597	Nguyễn Minh Vũ	Tiếng Anh B2	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
8.	21020610	Nguyễn Lê Hải Châu	Tiếng Anh B1	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
9.	21020610	Nguyễn Lê Hải Châu	Tiếng Anh B2	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
10.	21020616	Đỗ Ánh Dương	Tiếng Anh B1	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
11.	21020616	Đỗ Ánh Dương	Tiếng Anh B2	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
12.	21020637	Hoàng Trung Kiên	Tiếng Anh B1	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
13.	21020637	Hoàng Trung Kiên	Tiếng Anh B2	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
14.	21020642	Lê Văn Khoa	Tiếng Anh B1	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
15.	21020642	Lê Văn Khoa	Tiếng Anh B2	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
16.	21020643	Nguyễn Bảo Lâm	Tiếng Anh B1	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
17.	21020643	Nguyễn Bảo Lâm	Tiếng Anh B2	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
18.	21020660	Nguyễn Công Tuấn Phương	Tiếng Anh B1	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
19.	21020660	Nguyễn Công Tuấn Phương	Tiếng Anh B2	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
20.	21020675	Bùi Đỗ Nhật Nam Anh	Tiếng Anh B1	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000
21.	21020675	Bùi Đỗ Nhật Nam Anh	Tiếng Anh B2	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-ĐT ngày 16/11/2021	2.000.000

TT	Mã SV	Họ và tên	Học phần	Số TC	Thời gian được miễn	QĐ từ DT	Số tiền hoàn trả
22.	21020697	Nguyễn Công Minh	Tiếng Anh B1	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-DT ngày 16/11/2021	2.000.000
23.	21020697	Nguyễn Công Minh	Tiếng Anh B2	5	HKI 2021-2022	878/QĐ-DT ngày 16/11/2021	2.000.000
24.	21021340	Lê Vũ Đức Mạnh	Tiếng Anh B2	5	HKI 2024-2025	13/QĐ-ĐHCN ngày 03/01/2025	2.000.000
25.	21021385	Đình Thái Tuấn	Tiếng Anh B2	5	HKI 2024-2025	13/QĐ-ĐHCN ngày 03/01/2025	2.000.000
26.	21021499	Võ Huy Hoàng	Tiếng Anh B2	5	HKI 2024-2025	1305/QĐ-ĐHCN ngày 23/6/2025	2.000.000
27.	21021569	Đặng Nguyễn Nguyên Duy	Tiếng Anh B1	5	HKI 2024-2025	13/QĐ-ĐHCN ngày 03/01/2025	2.000.000
28.	21021569	Đặng Nguyễn Nguyên Duy	Tiếng Anh B2	5	HKI 2024-2025	13/QĐ-ĐHCN ngày 03/01/2025	2.000.000
29.	21021575	Đỗ Trọng Đoàn	Tiếng Anh B2	5	HKI 2025-2026	161/QĐ-ĐHCN ngày 26/01/2026	2.000.000
30.	22024500	Lê Minh Tâm	Cơ sở dữ liệu	4	HKII 2022-2023	1009/QĐ-DT ngày 14/11/2022	1.600.000
31.	22024500	Lê Minh Tâm	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	HKII 2022-2023	1009/QĐ-DT ngày 14/11/2022	1.600.000
32.	22024500	Lê Minh Tâm	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
33.	22024500	Lê Minh Tâm	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
34.	22024502	Hồ Trung Hiếu	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
35.	22024502	Hồ Trung Hiếu	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
36.	22024505	Nguyễn Hà Linh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
37.	22024505	Nguyễn Hà Linh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
38.	22024506	Lê Xuân Bách	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
39.	22024506	Lê Xuân Bách	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
40.	22024508	Trần Vỹ Anh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
41.	22024508	Trần Vỹ Anh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
42.	22024510	Lê Ngọc Quang	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
43.	22024510	Lê Ngọc Quang	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
44.	22024511	Trần Minh Khanh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
45.	22024511	Trần Minh Khanh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
46.	22024512	Nguyễn Duy Anh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
47.	22024512	Nguyễn Duy Anh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
48.	22024513	Lưu Quý Lân	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
49.	22024513	Lưu Quý Lân	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
50.	22024514	Mạc Minh Duy	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
51.	22024514	Mạc Minh Duy	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
52.	22024515	Hồ Nguyên Lượng	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000

TT	Mã SV	Họ và tên	Học phần	Số TC	Thời gian được miễn	QĐ từ DT	Số tiền hoàn trả
53.	22024515	Hồ Nguyên Lượng	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
54.	22024516	Nguyễn Thị Thanh Lam	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
55.	22024516	Nguyễn Thị Thanh Lam	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
56.	22024517	Hoàng Thu Hiếu	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
57.	22024517	Hoàng Thu Hiếu	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
58.	22024525	Phạm Thị Tùng Chi	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
59.	22024525	Phạm Thị Tùng Chi	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
60.	22024533	Nguyễn Quý Dương	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
61.	22024533	Nguyễn Quý Dương	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
62.	22024544	Lê Đắc Thịnh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
63.	22024544	Lê Đắc Thịnh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
64.	22024545	Hoàng Bảo An	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
65.	22024545	Hoàng Bảo An	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
66.	22024546	Lê Tuấn Kiệt	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
67.	22024546	Lê Tuấn Kiệt	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
68.	22024553	Nguyễn Trung Nguyên	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
69.	22024553	Nguyễn Trung Nguyên	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
70.	22024571	Nguyễn Thị Thu Hà	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
71.	22024571	Nguyễn Thị Thu Hà	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
72.	22024572	Phạm Hương Giang	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
73.	22024572	Phạm Hương Giang	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
74.	22024573	Nguyễn Yến Nhi	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
75.	22024573	Nguyễn Yến Nhi	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
76.	22026102	Nguyễn Huy Anh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
77.	22026102	Nguyễn Huy Anh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
78.	22026103	Phạm Tiến Mạnh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
79.	22026103	Phạm Tiến Mạnh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
80.	22026186	Nguyễn Quý Dũng	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
81.	22026186	Nguyễn Quý Dũng	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
82.	22026205	Vũ Khôi Nguyên	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
83.	22026205	Vũ Khôi Nguyên	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000

TT	Mã SV	Họ và tên	Học phần	Số TC	Thời gian được miễn	QB từ ĐT	Số tiền hoàn trả
84.	22028007	Nguyễn Hoàng Dương	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	HKI 2022-2023	1009/QĐ-ĐT ngày 14/11/2022	1.200.000
85.	22028007	Nguyễn Hoàng Dương	Nhập môn lập trình	4	HKI 2022-2023	1009/QĐ-ĐT ngày 14/11/2022	1.600.000
86.	22028007	Nguyễn Hoàng Dương	Cơ sở dữ liệu	4	HKII 2022-2023	1009/QĐ-ĐT ngày 14/11/2022	1.600.000
87.	22028007	Nguyễn Hoàng Dương	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	HKII 2022-2023	1009/QĐ-ĐT ngày 14/11/2022	1.600.000
88.	22028007	Nguyễn Hoàng Dương	Lập trình nâng cao	4	HKII 2022-2023	1009/QĐ-ĐT ngày 14/11/2022	1.600.000
89.	22028007	Nguyễn Hoàng Dương	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
90.	22028007	Nguyễn Hoàng Dương	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
91.	22028017	Nguyễn Bảo Dung	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	HKI 2022-2023	1009/QĐ-ĐT ngày 14/11/2022	1.200.000
92.	22028017	Nguyễn Bảo Dung	Nhập môn lập trình	4	HKI 2022-2023	1009/QĐ-ĐT ngày 14/11/2022	1.600.000
93.	22028017	Nguyễn Bảo Dung	Cơ sở dữ liệu	4	HKII 2022-2023	1009/QĐ-ĐT ngày 14/11/2022	1.600.000
94.	22028017	Nguyễn Bảo Dung	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	HKII 2022-2023	1009/QĐ-ĐT ngày 14/11/2022	1.600.000
95.	22028017	Nguyễn Bảo Dung	Lập trình nâng cao	4	HKII 2022-2023	1009/QĐ-ĐT ngày 14/11/2022	1.600.000
96.	22028017	Nguyễn Bảo Dung	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
97.	22028017	Nguyễn Bảo Dung	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
98.	22028024	Trương Minh Phước	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
99.	22028024	Trương Minh Phước	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
100.	22028026	Đàm Quang Đạt	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
101.	22028026	Đàm Quang Đạt	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
102.	22028048	Lê Hoàng Minh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
103.	22028048	Lê Hoàng Minh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
104.	22028049	Trần Ngọc Huy	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
105.	22028049	Trần Ngọc Huy	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
106.	22028050	Võ Tá Thành	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
107.	22028050	Võ Tá Thành	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
108.	22028051	Hoàng Đức Minh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
109.	22028051	Hoàng Đức Minh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
110.	22028052	Nguyễn Công Khanh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
111.	22028052	Nguyễn Công Khanh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
112.	22028053	Tạ Việt Anh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000

TT	Mã SV	Họ và tên	Học phần	Số TC	Thời gian được miễn	QB từ ĐT	Số tiền hoàn trả
113.	22028053	Tạ Việt Anh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
114.	22028056	Trần Đình Phú	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
115.	22028056	Trần Đình Phú	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
116.	22028057	Lâm Hoàng Hải	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
117.	22028057	Lâm Hoàng Hải	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
118.	22028058	Dương Tuấn Kiệt	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
119.	22028058	Dương Tuấn Kiệt	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
120.	22028059	Hoàng Minh Phúc	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
121.	22028059	Hoàng Minh Phúc	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
122.	22028061	Trần Thái Dương	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
123.	22028061	Trần Thái Dương	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
124.	22028063	Phùng Đức Anh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
125.	22028063	Phùng Đức Anh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
126.	22028064	Đặng Quốc Anh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
127.	22028064	Đặng Quốc Anh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
128.	22028065	Cao Chí Kiên	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
129.	22028065	Cao Chí Kiên	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
130.	22028066	Đinh Chí Kiên	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
131.	22028066	Đinh Chí Kiên	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
132.	22028067	Kiều Minh Khuê	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
133.	22028067	Kiều Minh Khuê	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
134.	22028070	Nguyễn Tiến Quân	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
135.	22028070	Nguyễn Tiến Quân	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
136.	22028072	Phạm Đức Lâm	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
137.	22028072	Phạm Đức Lâm	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
138.	22028074	Nguyễn Hoàng Anh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
139.	22028074	Nguyễn Hoàng Anh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
140.	22028075	Nguyễn Chí Trung	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
141.	22028075	Nguyễn Chí Trung	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
142.	22028076	Nguyễn Hữu Dũng	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
143.	22028076	Nguyễn Hữu Dũng	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000

TT	Mã SV	Họ và tên	Học phần	Số TC	Thời gian được miễn	QĐ từ ĐT	Số tiền hoàn trả
144.	22028077	Nguyễn Quang Huy	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
145.	22028077	Nguyễn Quang Huy	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
146.	22028078	Nguyễn Ngọc Linh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
147.	22028078	Nguyễn Ngọc Linh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
148.	22028079	Vũ Nguyệt Hằng	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
149.	22028079	Vũ Nguyệt Hằng	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
150.	22028080	Vương Thị Thu Trang	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
151.	22028080	Vương Thị Thu Trang	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
152.	22028081	Trần Tuấn Phong	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
153.	22028081	Trần Tuấn Phong	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
154.	22028082	Mai Tiến Huy	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
155.	22028082	Mai Tiến Huy	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
156.	22028084	Nguyễn Hoàng Giang	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
157.	22028084	Nguyễn Hoàng Giang	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
158.	22028086	Đinh Hồng Phúc	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
159.	22028086	Đinh Hồng Phúc	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
160.	22028087	Nguyễn Trần Công Hoàng	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
161.	22028087	Nguyễn Trần Công Hoàng	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
162.	22028089	Lê Thế Phương Minh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
163.	22028089	Lê Thế Phương Minh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
164.	22028090	Dương Quốc Khánh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
165.	22028090	Dương Quốc Khánh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
166.	22028091	Phạm Ngọc Thạch Hà	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
167.	22028091	Phạm Ngọc Thạch Hà	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
168.	22028092	Ngô Tùng Lâm	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
169.	22028092	Ngô Tùng Lâm	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
170.	22028093	Chu Quang Cần	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
171.	22028093	Chu Quang Cần	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
172.	22028094	Trần Quang Huy	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
173.	22028094	Trần Quang Huy	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
174.	22028095	Bùi Quang Minh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000

TT	Mã SV	Họ và tên	Học phần	Số TC	Thời gian được miễn	QB từ ĐT	Số tiền hoàn trả
175.	22028095	Bùi Quang Minh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
176.	22028098	Phan Nguyễn An Hưng	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
177.	22028098	Phan Nguyễn An Hưng	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
178.	22028101	Lê Thế Hiển	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
179.	22028101	Lê Thế Hiển	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
180.	22028102	Nguyễn Hữu Tân	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
181.	22028102	Nguyễn Hữu Tân	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
182.	22028103	Lê Quang Hưng	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
183.	22028103	Lê Quang Hưng	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
184.	22028104	Chu Huy Quang	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
185.	22028104	Chu Huy Quang	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
186.	22028107	Bồ Quốc Trung	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
187.	22028107	Bồ Quốc Trung	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
188.	22028108	Nguyễn Thành Phát	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
189.	22028108	Nguyễn Thành Phát	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
190.	22028123	Trần Anh Tuấn	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
191.	22028123	Trần Anh Tuấn	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
192.	22028151	Nguyễn Thị Lan Hương	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
193.	22028154	Võ Lê Hiếu	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
194.	22028154	Võ Lê Hiếu	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
195.	22028157	Nguyễn Đăng Thành Vinh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
196.	22028157	Nguyễn Đăng Thành Vinh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
197.	22028193	Bùi Thế Công	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
198.	22028193	Bùi Thế Công	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
199.	22028206	Trần Văn Hiệp	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
200.	22028206	Trần Văn Hiệp	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
201.	22028231	Nguyễn Viết Phong	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
202.	22028231	Nguyễn Viết Phong	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
203.	22028236	Nguyễn Quốc Đạt	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
204.	22028236	Nguyễn Quốc Đạt	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
205.	22028240	Đỗ Tiến Đạt	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000

TT	Mã SV	Họ và tên	Học phần	Số TC	Thời gian được miễn	QB từ ĐT	Số tiền hoàn trả
206.	22028243	Hoàng Duy Anh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
207.	22028243	Hoàng Duy Anh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
208.	22028258	Đàm Việt Cường	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
209.	22028258	Đàm Việt Cường	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
210.	22028259	Hoàng Đức Dương	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
211.	22028259	Hoàng Đức Dương	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
212.	22028261	Vũ Ninh Giang	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
213.	22028261	Vũ Ninh Giang	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
214.	22028269	Phạm Ngọc Linh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
215.	22028269	Phạm Ngọc Linh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
216.	22028279	Nguyễn Đình Tuấn Anh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
217.	22028279	Nguyễn Đình Tuấn Anh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
218.	22028280	Ngô Duy Hiếu	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
219.	22028280	Ngô Duy Hiếu	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
220.	22028290	Nguyễn Minh Quân	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
221.	22028290	Nguyễn Minh Quân	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
222.	22028294	Nguyễn Hùng Minh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
223.	22028294	Nguyễn Hùng Minh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
224.	22028295	Lại Hoàng Hiệp	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
225.	22028295	Lại Hoàng Hiệp	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
226.	22028310	Nguyễn Tuấn Anh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
227.	22028310	Nguyễn Tuấn Anh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000
228.	22028316	Nguyễn Đức Quân	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
229.	22028316	Nguyễn Đức Quân	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
230.	22028321	Đỗ Hoàng Việt	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
231.	22028321	Đỗ Hoàng Việt	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
232.	22028332	Nguyễn Phương Anh	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
233.	22028332	Nguyễn Phương Anh	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
234.	22028336	Kim Chae Yeon	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
235.	22028336	Kim Chae Yeon	Tiếng Anh B2	5	HKII 2022-2023	546/QĐ-ĐHCN ngày 20/06/2023	2.000.000
236.	22029005	Lê Hồng Phúc	Tiếng Anh B1	5	HKII 2022-2023	286/QĐ-ĐHCN ngày 31/03/2023	2.000.000

[illegible]